TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM**
HUYỆN TRÙNG KHÁNH	**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
TỈNH CAO BẰNG	

Bản án số:64 /2024/HS-ST
Ngày 16-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Học;

Ông Nông Thế Hạp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 56/2024/TLST-HS ngày 10/6/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn G, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 27 tháng 7 năm 1976 tại xã L, huyện B, tỉnh Y.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Y; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn B (đã chết) và bà Triệu Thị N, sinh năm 1952; Bị cáo là con thứ tư trong gia đình có 07 anh chị em; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2023, hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh X. Có mặt.

2. Hoàng Văn T, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01 tháng 11 năm 1985 tại xã N, huyện Q, tỉnh X;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: xóm T, xã N, huyện Q, tỉnh X; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn G1, sinh năm 1954 và bà Long Thị R, sinh năm 1954; Bị cáo là con út trong gia đình có 04 anh chị em; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2023, hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh X. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 20 phút, ngày 24/12/2023, tổ công tác Chi cục Hải quan cửa khẩu T4, huyện T, tỉnh X chủ trì phối hợp với Công an thị trấn T, huyện T, tỉnh X và Trạm biên phòng cửa khẩu T5, huyện T, thực hiện tuần tra, kiểm soát tại khu vực mốc 736 biên giới Việt Nam - Trung Quốc, thuộc xóm N, thị trấn T, huyện T thì phát hiện 02 người đàn ông di chuyển từ hướng mốc 736 đi dọc bờ suối về hướng thị trấn T, huyện T, mỗi người đang vác một bao tải hàng. Tổ công tác yêu cầu dừng lại để kiểm tra. Khi thấy lực lượng chức năng thì 01 người đã bỏ lại bao tải hàng và chạy trốn, người còn lại qua kiểm tra, xác định là Nông Văn G, sinh năm 1976, trú tại thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Y. Tiến hành kiểm tra các bao tải, cụ thể như sau: 01 bao tải màu xanh do Nông Văn G đeo trên lưng được buộc bằng dây dù màu cam, mở ra bên trống có 01 túi nilon màu đen và 01 hộp catton. Bên trong túi nilon màu đen có 06 hộp pháo hình khối hộp, có màu đỏ, tím, vàng xen lẫn, bên ngoài có dòng chữ nước ngoài và mỗi vật đều gắn dây ngòi màu xanh, bên trong hộp catton có 12 hộp pháo hình khối hộp có màu đỏ, tím, vàng xen lẫn, bên ngoài có dòng chữ

nước ngoài và mỗi vật đều gắn dây ngòi màu xanh, tổng 18 hộp; 01 bao tải màu xanh được buộc bằng dây dù màu đen do đối tượng bỏ chạy vứt lại, mở bên trong là 01 túi nilon màu đen và 01 hộp catton. Bên trong túi nilon màu đen có 06 hộp pháo hình khối hộp, có màu đỏ, tím, vàng xen lẫn, bên ngoài có dòng chữ nước ngoài và mỗi vật đều gắn dây ngòi màu xanh; trong hộp catton có 12 hộp pháo hình khối hộp, có màu đỏ, tím, vàng xen lẫn, bên ngoài có dòng chữ nước ngoài và mỗi vật đều gắn dây ngòi màu xanh, tổng 18 hộp. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng và chuyển hồ sơ thẩm quyền.

Sau khi bị bắt, Nông Văn G khai người bỏ chạy tên là T, người ở Q và cùng ở trọ với G tại nhà bà Đàm Thị T1, sinh năm 1963, trú tại xóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh X. Qua xác minh, xác định đối tượng bỏ chạy là Hoàng Văn T, sinh năm 1985, trú tại xóm T, xã N, huyện Q, tỉnh X.

Ngày 26/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành cân số vật chứng đã thu giữ và trích mẫu gửi giám định. Kết quả: 18 vật hình khối hộp (trong đó có 09 vật hình khối hộp màu đỏ vàng, kích thước (15,5x 15,5 x14,5) cm, trên vỏ có in chữ nước ngoài, có dây ngòi màu xanh, 04 vật hình khối hộp màu hồng - tím, kích thước (14,5 x 14,5 x 15) cm, trên vỏ có in chữ nước ngoài, có dây ngòi màu xanh và 05 vật hình khối hộp màu đỏ tím, kích thước (15,5 x 15,5 x 14,5) cm, trên vỏ có in chữ nước ngoài, có dây ngòi màu xanh) thu giữ đối với Nông Văn G có khối lượng 27kg; 18 vật hình khối hộp (trong đó có 12 vật hình khối hộp màu đỏ, kích thước (14,5 x 14,5 x 15) cm, trên

vỏ có in chữ nước ngoài, có dây ngòi màu xanh và 06 vật hình khối hộp màu hồng - tím, kích thước (14,5 x 14,5 x 15) cm, trên vỏ có in chữ nước ngoài, có dây ngòi màu xanh) thu giữ đối với Hoàng Văn T có khối lượng 25kg. Tại Kết luận giám định số 51 ngày 02/01/2024 của phòng K Công an tỉnh C kết luận: Các mẫu vật gửi giám định đều là pháo nổ.

Quá trình điều tra xác định: Nông Văn G, Hoàng Văn T, Đàm Văn T2 và người tên V, cùng thuê trọ tại nhà trọ của bà Đàm Thị T1. Khoảng 18 giờ ngày 24/12/2023, khi Hoàng Văn T đang ở phòng trọ thì được bà Đàm Thị T1 đến gặp trực tiếp và thuê T đi bốc hàng ở khu vực mốc G (biên giới Việt Nam - Trung Quốc) về cho bà T1 và nói là có Nông Văn G, Đàm Văn T2, sinh năm 1987, trú tại thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và V (chưa rõ địa chỉ) đi cùng nhau, tiền công là 500.000 đồng. Hoàng Văn T biết là đi vận chuyển hàng cấm là pháo nhưng vẫn đồng ý. Cũng vào chập tối ngày 24/12/2023, Đàm Văn T2 đến phòng trọ của Nông Văn G nói với G "đi vác hàng cho cô T1 không, được trả công 500.000 đồng". Nghe xong, G đồng ý. Sau đó, G cùng với T2, T, V đi từ phòng trọ vòng theo mép Trường tiểu học N1, đi qua suối và men theo bờ ruộng đến mốc 736 rồi đi vào lãnh thổ Trung Quốc. Khi đi vào đất Trung Quốc khoảng 100 mét, Hoàng Văn T đứng cảnh giới, G, T2, V đi tiếp vào sâu trong lãnh thổ Trung Quốc để lấy pháo. T2 sử dụng điện thoại di động để gọi cho người Trung Quốc báo đã đến nơi. Khoảng 10 phút sau có 02 người Trung Quốc đến, trong đó có 01 người phụ nữ chở 02 bao tải pháo. T2 và V lấy 02 bao tải pháo đặt lên vai phải G. Giáp vác về phía Tiền đang đứng. Khi đến chỗ của T, G đặt 02 bao tải pháo xuống đất, T lấy 01 bao và dùng dây dù buộc 01 bao tải pháo màu xanh, bên trong có 01 thùng cát tông và các hộp nhỏ pháo rồi đeo lên lưng; G cũng lấy dây dù buộc 01 bao tải màu xanh bên trong có 01 thùng cát tông và các hộp nhỏ pháo rồi đeo lên lưng. Sau đó, G cùng T cùng nhau đeo mỗi người 01 bao tải pháo đi về Việt Nam qua mốc 736. Còn T2 và V ở lại bên Trung Quốc. Giáp cùng T vác pháo về Việt Nam được khoảng 500 mét thì G bị lực lượng chức năng bắt. Tiền vứt bao tải pháo bỏ chạy.

Tại cơ quan điều tra, Nông Văn G và Hoàng Văn T đều khai nhận ban đầu khi được thuê đi vận chuyển hàng, cả 02 đều không biết là hàng gì nhưng thấy được trả tiền công cao, đi ít người nên nhận định hàng cấm là pháo. Quá trình nhận hàng và lấy dây dù về buộc bao tải và vận chuyển từ Trung Quốc về Việt Nam thì biết hàng đang vận chuyển là pháo. Biết pháo là hàng cấm nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên vẫn tiếp tục vận chuyển pháo về Việt Nam. Mục đích vận chuyển pháo để nhận tiền công.

Ngày 24/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành cho Nông Văn G, Hoàng Văn T xác định vị trí nhận pháo để vận chuyển về Việt Nam. Kết quả Nông Văn G và Hoàng Văn T đều xác định vị trí nhận pháo là tại phần đất Trung Quốc.

Về vật chứng và các tài sản đang tạm giữ xác định được: Đối với số pháo thu giữ đối với Nông Văn G và Hoàng văn T3 do việc bảo quản có nguy cơ cháy nổ nên ngày 15/02/2024 Công an huyện T đã tiêu hủy theo Quyết định xử lý vật chứng số 157/QĐ-CSĐT ngày 15/02/2024. 02 (hai) vỏ thùng bằng giấy bìa cát

tông; 02 (hai) túi ni lông màu đen; 01 (một) dây gùi màu cam thu giữ đối với Nông Văn G; 01 (một) bao tải màu xanh thu giữ đối với Nông Văn G; 01 (một) dây gùi màu đen thu giữ đối với Hoàng Văn T; 01 (một) bao tải màu xanh thu giữ đối với Hoàng Văn T là công cụ, phương tiện phạm tội của các bị cáo. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen tạm giữ của Nông Văn G; 01 (một) điện thoại di động OPPO màu xanh – đen tạm giữ của Hoàng Văn T; 01 (một) cục sạc dự phòng màu đen, nhãn hiệu "PISEN" (đã qua sử dụng) thu giữ của Hoàng Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội. 01 (Một) mũ lưỡi trai màu đen, 01 đôi giày, 01 đôi tất tạm giữ tại phòng trọ Hoàng Văn T là trang phục bị cáo T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số 56/CT-VKSTK ngày 07/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh X đã truy tố Nông Văn G và Hoàng Văn T về "Tội vận chuyển hàng cấm" theo điểm g, k khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo G khai: Khoảng 18 giờ ngày 24/12/2023, được gọi đi vận chuyển hàng hóa, bị cáo đi từ phòng trọ thuộc xóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh X đi qua mốc 736 (biên giới V1) vào đất Trung Quốc để vận chuyển pháo nổ từ Trung Quốc về Việt Nam. Khi vào đến đất Trung Quốc, bị cáo đi tiếp vào trong lãnh thổ Trung Quốc để nhận pháo với một người phụ nữ Trung Quốc. Bị cáo đặt 02 bao tải pháo lên vai phải vác về đến chỗ Tiền 02 bao tải pháo. Tiền dùng dây dù buộc, vác 01 bao tải pháo. G lấy dây dù buộc, vác 01 bao tải pháo. Sau đó, Bị cáo cùng T cùng nhau vác mỗi người 01 bao tải pháo đi về Việt Nam qua mốc 736. Đến khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, G cùng T vác pháo về Việt Nam được khoảng 500 mét thì G bị lực lượng chức năng bắt quả tang. Tổng 02 bao tải pháo nổ thu giữ đối với bị cáo và Hoàng Văn T có khối lượng 52kg. Mục đích bị cáo vận chuyển pháo là để được nhận tiền công. Bị cáo không biết nguồn gốc số pháo được mua với người phụ nữ và người đàn ông lạ mặt người Trung Quốc bị cáo không được trực tiếp liên lạc, cũng không có phương thức liên lạc.

Bị cáo Hoàng Văn T xác nhận diễn biến hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của Nông Văn G vừa trình bày. Sau khi bị lực lượng chức năng phát hiện, yêu cầu kiểm tra bị cáo đã bỏ bao tải dứa đang vác xuống đất rồi bỏ chạy.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g, k khoản 2 Điều 191; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 đối với các bị cáo Nông Văn G và Hoàng Văn T. Ngoài ra, bị cáo Nông Văn G khai ra đồng phạm là bị cáo Hoàng Văn T; Có bố là ông Nông Văn B được tặng H, Huy chương, gia đình bị cáo đang thờ cúng Liệt sỹ và hàng năm được hưởng trợ cấp thờ cúng Liệt sỹ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn G từ 02 đến 02 năm 06 tháng tù; Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 02 đến 02 năm 06 tháng tù. Về vật chứng đề nghị trả lại 02 điện thoại di động của bị cáo T và G, 01 (một) cục sạc dự phòng màu đen, nhãn hiệu "PISEN" (đã qua sử dụng) thu giữ đối với Hoàng Văn T; Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) vỏ thùng bằng giấy bìa cát tông; 02 (hai) túi ni lông màu đen; 01 (một) dây gùi màu cam thu giữ đối với Nông Văn G; 01 (một) bao

tải màu xanh thu giữ đối với Nông Văn G; 01 (một) dây gùi màu đen thu giữ đối với Hoàng Văn T; 01 (một) bao tải màu xanh thu giữ đối với Hoàng Văn T; 01 (một) túi niêm phong ký hiệu PS1 ghi tên mẫu vật "01 (Một) mũ lưỡi trai màu đen tạm giữ tại phòng trọ Hoàng Văn T" có chữ ký của Hoàng Văn T, các thành phần tham gia; 01 (một) túi niêm phong ký hiệu PS1 ghi tên mẫu vật "01 đôi giày, 01 đôi tất tạm giữ đối với Hoàng Văn T" có chữ ký của Hoàng Văn T, các thành phần tham gia; đối với Hoàng Văn T.

Các bị cáo thừa nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Vì mục đích vận chuyển pháo để nhận tiền công, nên khoảng 18 giờ ngày 24/12/2023, Nông Văn G, Hoàng Văn T, Đàm Văn T2 và người tên V đi từ phòng trọ thuộc xóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh X đi qua mốc 736 (biên giới V1) vào đất Trung Quốc để vận chuyển pháo nổ từ Trung Quốc về Việt Nam. Khi vào đến đất Trung Quốc, Hoàng Văn T đứng cảnh giới. Nông Văn G, Đàm Văn T2, V đi tiếp vào trong lãnh thổ Trung Quốc để nhận pháo với một người phụ nữ Trung Quốc. T2 và V đặt 02 bao tải pháo lên vai phải Giáp. G vác về đến chỗ Tiền 02 bao tải pháo. Tiền dùng dây dù buộc, vác 01 bao tải pháo. G lấy dây dù buộc, vác 01 bao tải pháo. Sau đó, G cùng T cùng nhau vác mỗi người 01 bao tải pháo đi về Việt Nam qua mốc 736. Còn T2 và V ở lại bên Trung Quốc. Đến khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, G cùng T vác pháo về Việt Nam được khoảng 500 mét thì G bị lực lượng chức năng bắt Hoàng Văn T vứt bao tải pháo bỏ chạy. Tổng 02 bao tải pháo nổ phát hiện bắt quả tang đối với Nông Văn G và Hoàng Văn T có khối lượng 52kg.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, ý thức được việc vận chuyển pháo nổ là mặt hàng Nhà nước cấm sản xuất, kinh doanh, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển dưới mọi hình thức nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước trong sản xuất, kinh doanh một

số hàng cấm, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Từ những phân tích và nhận định trên đây, có đủ căn cứ khẳng định các bị cáo Nông Văn G và Hoàng Văn T phạm "Tội vận chuyển hàng cấm" với tình tiết định khung quy định tại điểm g, k khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố và đề nghị mức án đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi của mình; Các bị cáo cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Riêng bị cáo Nông Văn G khai ra đồng phạm là bị cáo Hoàng Văn T; Có bố là ông Nông Văn B được tặng H, Huy chương, gia đình bị cáo đang thờ cúng Liệt sỹ và hàng năm được hưởng trợ cấp thờ cúng Liệt sỹ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo phạm tội lần đầu với lỗi cố ý, hành vi của các bị cáo gây ra là nghiêm trọng. Vì vậy, căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo; tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội và nhân thân cần có mức án nghiêm minh đối với bị cáo để răn đe cũng như phòng ngừa chung. Xét thấy mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Xét mức độ tham gia của từng bị cáo thấy rằng: Trong quá trình phạm tội các bị cáo đều có sự trao đổi, bàn bạc, thống nhất, nên đều là đồng phạm với tính chất giản đơn và đều là người thực hành, hành vi của người này tạo điều kiện cho việc thực hiện hành vi của người khác. Bị cáo Nông Văn G nhận hàng và vận chuyển 02 (hai) bao tải pháo có tổng khối lượng 52kg thì Hoàng Văn T là người đứng cảnh giới phía ngoài để trông coi lực lượng chức năng, khi G về đến chỗ T đứng đợi thì mỗi người chia nhau vận chuyển 01 (một) bao tải pháo. Vì vậy, sau khi xem xét quá trình thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, hậu quả từng người gây ra, nhân thân và các tình tiết khác của vụ án thì mức hình phạt của từng bị cáo là ngang nhau. Tuy nhiên, bị cáo G có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo T được quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên khi lượng hình cũng cần cho bị cáo G được hưởng mức án thấp hơn bị cáo T.

[4]. Về vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Đối với số pháo thu giữ đối với Nông Văn G và Hoàng Văn T do việc bảo quản có nguy cơ cháy nổ nên ngày 15/02/2024 Công an huyện T đã tiêu hủy theo Quyết định xử lý vật chứng số 157/QĐ-CSĐT ngày 15/02/2024 là đúng với quy định của pháp luật.

- 02 (hai) vỏ thùng bằng giấy bìa cát tông; 02 (hai) túi ni lông màu đen; 01 (một) dây gùi màu cam thu giữ đối với Nông Văn G; 01 (một) bao tải màu xanh

thu giữ đối với Nông Văn G; 01 (một) dây gùi màu đen thu giữ đối với Hoàng Văn T; 01 (một) bao tải màu xanh thu giữ đối với Hoàng Văn T; 01 (Một) mũ lưỡi trai màu đen, 01 đôi giày, 01 đôi tất tạm giữ tại phòng trọ Hoàng Văn T là công cụ, phương tiện phạm tội của các bị cáo và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen tạm giữ của Nông Văn G; 01 (một) điện thoại di động OPPO màu xanh – đen tạm giữ của Hoàng Văn T; 01 (một) cục sạc dự phòng màu đen, nhãn hiệu "PISEN" (đã qua sử dụng) thu giữ của Hoàng Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại cho chủ sở hữu.

[5]. Về nguồn gốc số pháo: Các bị cáo khai được mua với người phụ nữ và người đàn ông lạ mặt người Trung Quốc (không biết cụ thể họ tên, địa chỉ cụ thể), quá trình đi lấy pháo thì T2 là người trực tiếp trao đổi qua điện thoại, sau khi lực lượng chức năng bắt quả tang đối với Nông Văn G thì không có thông tin cụ thể về hai người đàn ông tên T2 và V đang ở đâu. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, làm rõ đối với người phụ nữ người Trung Quốc nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

[6]. Nhận định khác:

Đối với hai người đàn ông tên T2 và V là những người được nhận định đã tham gia vào quá trình vận chuyển hàng cấm cùng với các bị cáo, Cơ quan điều tra xác định được thông tin về người đàn ông tên T2 cụ thể là Đàm Văn T2 (sinh năm 1987, trú tại: xóm N, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn). Tiến hành xác minh về thông tin cư trú của T2 tại địa phương; Kết quả: Tại thời điểm xác minh Đàm Văn T2 không có mặt tại địa phương nơi cư trú, hiện nay không có thông tin cụ thể đi đâu làm gì, do đó không có đủ căn cứ xử lý đối với Đàm Văn T2 trong cùng vụ án này. Đối với người đàn ông tên V hiện nay chưa xác định được cụ thể thông tin của người này. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh để làm rõ vai trò của T2 và V trong vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Đối với bà Đàm Thị T1 khai nhận không được trao đổi, nói chuyện với Hoàng Văn T về việc đi vận chuyển hàng hóa vào ngày 24/12/2023, quá trình đối chất giữa bà T1 và T thì bà T1 khẳng định không được nói chuyện hay trao đổi các nội dung gì với T vào ngày 24/12/2023. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo chỉ có Hoàng Văn T được bà T1 đến gặp trực tiếp để thuê đi vận chuyển hàng hóa, bị cáo Nông Văn G được Đàm Văn T2 (có thông tin nêu trên) đến gặp trực tiếp để gọi đi vận chuyển hàng hóa cho bà T1, hiện nay do chưa xác định cụ thể đối tượng đối tượng Đàm Văn T2 đang ở đâu làm gì. Do vậy, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh đề làm rõ vai trò của bà T1 trong vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật. Đồng thời, chuyển 01 (một) diện thoại di động tạm giữ đối với Đàm Thị T1 đã chuyển sang điều tra, mở rộng trong vụ án khác là đúng với quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: các bị cáo là người bị kết tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm g, k khoản 2 Điều 191; Các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nông Văn G.

Áp dụng điểm g, k khoản 2 Điều 191; Các điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn T.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nông Văn G và Hoàng Văn T phạm " Tội vận chuyển hàng cấm".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nông Văn G 02 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/12/2023.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 02 năm 02 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/12/2023.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) vỏ thùng bằng giấy bìa cát tông; 02 (hai) túi ni lông màu đen; 01 (một) dây gùi màu cam thu giữ đối với Nông Văn G; 01 (một) bao tải màu xanh thu giữ đối với Nông Văn G; 01 (một) dây gùi màu đen thu giữ đối với Hoàng Văn T; 01 (một) bao tải màu xanh thu giữ đối với Hoàng Văn T; 01 (một) túi niêm phong ký hiệu PS1 ghi tên mẫu vật "01 (Một) mũ lưỡi trai màu đen tạm giữ tại phòng trọ Hoàng Văn T" có chữ ký của Hoàng Văn T, các thành phần tham gia; 01 (một) túi niêm phong ký hiệu PS1 ghi tên mẫu vật "01 đôi giày, 01 đôi tất tạm giữ đối với Hoàng Văn T" có chữ ký của Hoàng Văn T, các thành phần tham gia; đối với Hoàng Văn T.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn G: 01 (một) phong bì thư mặt trước ghi: "01 (một) điện thoại di động tạm giữ của Nông Văn G " mặt sau phong bì có chữ ký của Nông Văn G, các thành phần tham gia và đóng 04 (bốn) hình con dấu mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh X;

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T: 01 (một) phong bì thư mặt trước ghi: "01 (một) điện thoại di động tạm giữ của Hoàng Văn T" mặt sau phong bì có chữ ký của Hoàng Văn T, các thành phần tham gia và đóng 04 (bốn) hình con dấu mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh X; 01 (một) cục sạc dự phòng màu đen, nhãn hiệu "PISEN" (đã qua sử dụng) thu giữ đối với Hoàng Văn T.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng ngày 06/6/2024.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nông Văn G và Hoàng Văn T mỗi người phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Người có QLVNVLQ;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh B (Bằng TB);
- UBND xã N, huyện Q, tỉnh C (Bằng TB)*;*
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Quốc Hùng